

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/DS - ST
Ngày: 24 - 3 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Nga

2. Bà Trần Thị Lệ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lục Thanh N, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 68 đường C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1955 (theo Giấy ủy quyền ngày 12/3/2025) (có mặt)

Địa chỉ: Số 18D đường B, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Trần Kim C, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 45 đường D, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Lục Thanh N là nguyên đơn trình bày:

Do là chỗ quen biết nên bà có cho bà Trần Kim C vay số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 19/9/2019; số tiền này bà giao tiền mặt cho bà C nhận trong một lần và bà C tự viết tay lập Biên nhận nợ ngày 19/9/2019. Theo biên nhận nợ thì hai bên không thỏa thuận về lãi suất vay và thời gian trả nợ. Tuy nhiên thực tế có thỏa thuận lãi suất cho vay là 03%/ tháng và sẽ trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng tiền vay gốc.

Từ sau khi vay bà C trả dần cho bà nhiều lần được tổng số tiền vay gốc là 165.000.000 đồng; mỗi lần trả tiền thì bà C có yêu cầu bà ký tên xác nhận vào cuốn sổ tay do bà C tự giữ. Còn về tiền lãi thì bà C chưa thanh toán cho bà lần nào. Khoảng hai năm trở lại đây thì bà C không trả thêm tiền cho bà, số tiền nợ gốc còn lại là 85.000.000 đồng. Mặc dù bà đã yêu cầu bà C trả nợ nhiều lần nhưng bà C chỉ hứa hẹn và cố tình không trả nợ.

Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C phải trả cho bà số tiền nợ 85.000.000 đồng và chịu lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ khi vay ngày 19/9/2019 đến khi trả hết nợ.

Tại phiên hòa giải ngày 10/02/2025, bà tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc tính lãi suất của số tiền vay 85.000.000 đồng; chỉ còn yêu cầu buộc bà C trả số nợ gốc 85.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Dương Thị Hoa giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu của bà Lục Thanh N.

Bị đơn bà Trần Kim C: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà C trả cho bà N số tiền vay gốc 85.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã tự nguyện rút lại về nội dung tính lãi của số tiền vay. Ngoài ra, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lục Thanh N khởi kiện yêu cầu bà Trần Kim C phải trả nợ vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Kim C là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Kim C, bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Xét thấy bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà C.

[2] Về nghĩa vụ chứng minh của bị đơn:

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay bị đơn bà C không có mặt theo thông báo của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản vay nguyên đơn yêu cầu trả hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết*

vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, bà C đã không tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về hợp đồng vay tài sản:

Nguyên đơn bà Lục Thanh N yêu cầu bị đơn bà Trần Kim C trả số nợ vay 85.000.000 đồng theo chứng cứ là Biên nhận viết tay đề ngày 19/9/2019, nội dung biên nhận là bà C xác nhận có mượn của bà N số tiền 250.000.000 đồng. Theo bà N trình bày chữ viết tay trong biên nhận nợ là do bà C tự viết và ký tên xác nhận. Trong quá trình vay đến nay, bà N tự nguyện khai nhận phía bà C đã trả dần cho bà nhiều lần được tổng số tiền vay gốc là 165.000.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 85.000.000 đồng.

Xét thấy, mặc dù theo biên nhận nợ không thể hiện thời hạn trả nợ của bên vay và không ghi nhận lãi suất vay do hai bên thỏa thuận là bao nhiêu, nhưng tính từ thời điểm cho vay đến nay đã quá lâu và bà C không trả thêm tiền cho bà N từ khoảng 02 năm. Như vậy bà C đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay và làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên cho vay; do đó bà N khởi kiện yêu cầu bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp quy định tại Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; buộc bị đơn bà C có nghĩa vụ trả cho bà N số nợ gốc còn lại là 85.000.000 đồng.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, bà Hoa - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà N xác định bà N giữ nguyên ý kiến về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung yêu cầu tính lãi của số tiền vay để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ, bà N chỉ còn một yêu cầu khởi kiện là buộc bà C trả số nợ gốc 85.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Bị đơn bà C phải chịu án phí trên số tiền bị buộc trả 85.000.000 đồng, án phí được xác định là 4.250.000 đồng (85.000.000 đồng x 5%).

Nguyên đơn bà N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.125.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007524 ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 266, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, **khoản 2 Điều 244** Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, **466 và 469** Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lục Thanh N đối với bị đơn bà Trần Kim C về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Trần Kim C có nghĩa vụ trả cho bà Lục Thanh N số tiền vay gốc **85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng).**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong; bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lục Thanh N về nội dung yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Kim C phải chịu án phí giá ngạch là 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Lục Thanh N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.125.000 đồng (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007524 ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Rạch Giá;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Rạch Giá;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm